TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ. H** **TỈNH K. T** Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đ. H, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1994;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn 12, xã Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn V thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01con Nguyễn Lê Diễm M, sinh ngày 17/7/2017.

Giao cháu Nguyễn Lê Diễm M, sinh ngày 17/7/2017 cho chị Lê Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dung khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 vủa Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Ngọc Q chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0000719 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Hoàn trả lại số tiền là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* cho chị Lê Thị Ngọc Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Đ. N
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ. Hr;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Quách Văn N